

Số: 06/2026/QĐST-VLĐ

Ninh Bình, ngày 03 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

Về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Thư ký phiên họp: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình tham gia phiên họp: Ông Trần Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 06/2026/TLST-VLĐ ngày 16 tháng 7 năm 2026 về việc: “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 04/2026/QĐST-VLĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Chị Phan Triệu Ngọc A, sinh ngày 02-9-2001; căn cước công dân số 064301016349; nơi thường trú và nơi cư trú: Thôn B, xã M, tỉnh Ninh Bình; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Triệu Thị T, sinh ngày 09-11-1993; căn cước công dân số 036193019228; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Bản H, xã M, tỉnh Điện Biên; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Công ty cổ phần M (trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) may M); địa chỉ: Lô C, khu công nghiệp B, phường T, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định). Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đăng T1 - Chức vụ: Tổng giám đốc; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở N; địa chỉ trụ sở: Số A đường N, phường N, tỉnh

Ninh Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung T2 - Chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội cơ sở N; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

1. Tại đơn yêu cầu giải quyết việc lao động ghi ngày 07-6-2026, bản tự ngày khai ngày 10-7-2026, bản tự khai ngày 17-7-2026, người yêu cầu giải quyết việc lao động là chị Phan Triệu Ngọc A trình bày:

Vào năm 2018, do chưa đủ tuổi lao động nên chị có mượn chứng minh nhân dân số 163104544 của chị Triệu Thị T để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH M, có địa chỉ tại Lô C, khu công nghiệp B, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định cũ (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình). Tất cả các thông tin hồ sơ xin việc đều là mang tên Triệu Thị T. Tôi là người viết và ký vào hồ sơ xin việc mang tên Triệu Thị T và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH M (hợp đồng lao động số DMS000036/2018/HĐLĐ1 ngày 16-6-2018). Sau khi ký hợp đồng lao động thì chị đã làm việc tại Công ty TNHH M từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019 thì nghỉ việc. Bản thân chị Triệu Thị T chỉ cho chị mượn chứng minh thư mà không ký kết bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến hợp đồng lao động với Công ty TNHH M. Trong thời gian làm tại công ty, chị làm ở bộ phận ngồi máy 1 kim tổ 1 của công ty. Trong quá trình làm việc tại Công ty TNHH M chị đã đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Sổ Bảo hiểm xã hội số 3620352436 đứng tên Triệu Thị T. Trong khi đó chị Triệu Thị T cũng đang làm việc tại Trường P, tỉnh Điện Biên và có đóng bảo hiểm xã hội theo quy định với số sổ Bảo hiểm xã hội số 1120658728 từ tháng 4 năm 2018 đến nay mang tên Triệu Thị T.

Do Bảo hiểm xã hội cơ sở Na Sang thông báo có 2 sổ bảo hiểm xã hội đứng tên Triệu Thị T đã bị trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019 và chị đã nhận thức được việc mượn chứng minh nhân dân của người khác để ký kết hợp đồng lao động dưới danh nghĩa của người đó là không đúng, đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của cả chị và chị Triệu Thị T. Để đảm bảo quyền lợi của mình và chị Triệu Thị T, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình giải quyết cụ thể như sau:

- Tuyên bố hợp đồng lao động số DMS000036/2018/HĐLĐ1 ngày 16-6-2018 giữa người lao động Triệu Thị T và Công ty TNHH M (nay là Công ty cổ phần M) là vô hiệu.

- Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu như sau: Đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội tại sổ bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm: 3620352436, tên người đóng Triệu Thị T, sinh ngày 09-11-1993 theo đúng tên Phan Triệu Ngọc A, sinh ngày 02-9-2001; số căn cước: 064301016349; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn B, xã M, tỉnh Ninh

Bình.

2. Tại Bản tự khai ghi ngày 10-7-2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Triệu Thị T trình bày:

Vào năm 2018 chị đã cho em họ là Phan Triệu Ngọc A mượn chứng minh nhân dân số 163104544 để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH M có địa chỉ tại Lô C, khu công nghiệp B, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định cũ (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình) do chị Ngọc A chưa đủ tuổi lao động. Bản thân chị không tham gia ký bất kỳ hồ sơ giấy tờ gì với Công ty TNHH M. Sau khi ký hợp đồng lao động dưới tên chị (tức Triệu Thị T) thì chị Ngọc A đã làm việc tại Công ty TNHH M từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019 thì nghỉ việc. Trong quá trình chị Phan Triệu Ngọc A làm việc tại Công ty TNHH M đã đóng bảo hiểm xã hội theo quy định với sổ Bảo hiểm xã hội số 3620352436 đứng tên Triệu Thị T. Trong khi đó bản thân chị cũng đang làm việc tại Trường P, tỉnh Điện Biên và có đóng bảo hiểm xã hội theo quy định với sổ sổ Bảo hiểm xã hội số 1120658728 từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Hiện tại Bảo hiểm xã hội cơ sở Na Sang thông báo có 2 sổ bảo hiểm xã hội tên Triệu Thị T đã bị trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019 nên chị đã thông báo cho chị Ngọc A biết.

Nay chị Ngọc A đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động số DMS000036/2018/HĐLĐ1 ngày 16-6-2018 giữa Triệu Thị T và Công ty TNHH M là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, chị hoàn toàn đồng ý với yêu cầu của chị Ngọc A.

3. Tại Bản tự khai ghi ngày 09-7-2026, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH M (nay là Công ty cổ phần M) trình bày: Ngày 16-6-2018 Công ty TNHH M (nay là Công ty cổ phần M) có ký với chị Triệu Thị T hợp đồng lao động số DMS000036/2018/HĐLĐ1 ngày 16-6-2018 dựa trên toàn bộ hồ sơ như: sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, giấy khai sinh, ảnh mang tên Triệu Thị T. Công ty cổ phần M hoàn toàn không biết việc chị Phan Triệu Ngọc A mượn giấy tờ của chị Triệu Thị T để ký kết hợp đồng lao động với công ty. Theo hồ sơ thì chị Triệu Thị T đã làm việc tại Công ty TNHH M từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019 thì nghỉ việc. Trong thời gian chị Ngọc A làm việc tại công ty thì công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm theo hồ sơ lao động là Triệu Thị T đầy đủ. Nay chị Phan Triệu Ngọc A yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động tên Triệu Thị T đã ký với công ty TNHH M là vô hiệu Công ty đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Tại Công văn số 1138/BHXXH–NĐ ngày 24 tháng 7 năm 2026, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội cơ sở Nam Định trình bày: Qua kiểm tra, rà soát dữ liệu trên hệ thống phần mềm Quản lý T3 (TST) của Ngành kết quả cụ thể như sau:

- Bà Triệu Thị T, sinh ngày 09-11-1993, số Chứng minh thư nhân dân (CMT) số 163104544, số căn cước công dân (CCCD) 036189009919 có 02 mã số bảo hiểm xã hội (BHXH) là 1120658728, 3620352436.

+ Mã số BHXH 1120658728 mang tên Triệu Thị T, sinh ngày 09-11-1993, số CCCD số 036189009919 có thời gian tham gia đóng BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) từ tháng 04/2018 đến nay tại trường P bán trú THCS Huổi Lèng tỉnh Đ, địa chỉ: Xã M, tỉnh Điện Biên.

+ Mã số 3620352436 mang tên Triệu Thị T sinh ngày 09-11-1993, số CCCD số 036189009919 có thời gian tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN từ tháng 07 năm 2018 đến tháng 03 năm 2019 tại Công ty TNHH M, địa chỉ: xã L Huyện V tỉnh Nam Định nay là phường T tỉnh Ninh Bình, với quá trình cụ thể như sau:

Từ tháng	Đến tháng	Cấp bậc, chức vụ, chức danh nghề. Công việc, nơi làm việc (tên cơ quan, đơn vị, địa chỉ	Mức Đóng	Tỉ lệ đóng BHXH	Tỉ lệ đóng BHTN
7/2018	12/2018	Công nhân vận hành máy may công nghiệp. Công ty TNHH may Duy Minh. KCN Bảo Minh, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	3.471.615	25%	3%
01/2019	03/2019	Công nhân vận hành máy may công nghiệp. Công ty TNHH may Duy Minh. KCN Bảo Minh, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	3.651.400	25%	3%

Số BHXH 3620352436 có quá trình đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN là 09 tháng.

- Như vậy, toàn bộ thời gian đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN tại số BHXH 3620352436 từ tháng 07/2018 đến tháng 03/2019 trùng với quá trình đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN với mã số BHXH 1120658728 do bà Triệu Thị T đã cho mượn hồ sơ của mình để người khác tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN.

Quan điểm của BHXH cơ sở Nam Định về việc bà Triệu Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa bà Triệu Thị T và Công ty TNHH M vô hiệu và đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu được thực

hiện theo quy định tại Điều 50, Điều 51 của Bộ luật Lao động và mục 3 Chương III của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động. Theo đó, Tòa án nhân dân có quyền tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ do người giao kết không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Lao động và Điều 10 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Tại khoản 4 Điều 10 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định: “Các vấn đề khác liên quan đến việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ do người giao kết không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự”.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên họp phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 48, Điều 366 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định về quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết việc lao động:

Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; điểm b khoản 1 Điều 50; điểm b khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 4 Điều 9, Điều 29 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024; Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14-12-2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Triệu Ngọc A: Tuyên hợp đồng lao động số DMS000036/2018/HĐLĐ1 ngày 16-6-2018 Công ty TNHH M và chị Triệu Thị T vô hiệu. Giao cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh thông tin số bảo hiểm xã hội 3620352436 theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật:

Chị Phan Triệu Ngọc A làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động số DMS000036/2018/HĐLĐ1 ngày 16-6-2018 giữa người lao động Triệu Thị T và Công ty TNHH M (nay là Công ty cổ phần M) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Các đương sự không có tranh chấp. Căn cứ khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”

1.2. Về thẩm quyền giải quyết:

Hợp đồng lao động DMS000036/2018/HĐLĐ1 ngày 16-6-2018 được ký giữa người lao động Triệu Thị T và Công ty TNHH M. Người lao động thực hiện hợp đồng lao động tại Công ty TNHH M. Công ty TNHH M (nay là Công ty cổ phần M) hiện có trụ sở tại phường T, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

1.3. Về sự vắng mặt của các đương sự:

Người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung yêu cầu:

2.1. Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu:

Căn cứ lời khai của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động có cơ sở xác định:

Vào năm 2018, chị Phan Triệu Ngọc A có mượn chứng minh nhân dân số 163104544 của chị Triệu Thị T để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH M, có địa chỉ tại Lô C, khu công nghiệp B, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định cũ (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình). Ngày 16-6-2018 chị Phan Triệu Ngọc A đã ký hợp đồng lao động số DMS000036/2018/HĐLĐ1 với Công ty TNHH M nhưng tên người lao động là Triệu Thị T. Nội dung của hợp đồng lao động có thoả thuận: loại hợp đồng 12 tháng, từ ngày 16-6-2018 đến 16-6-2019; công việc phải làm: May các sản phẩm may mặc và các công việc có liên quan theo yêu cầu của công ty. Ngoài ra, hợp đồng lao động còn thoả thuận một số nội dung khác. Sau khi ký hợp đồng lao động thì chị Phan Triệu Ngọc A đã làm việc tại Công ty TNHH M từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019 thì nghỉ việc. Trong quá trình làm việc tại Công ty TNHH M, chị Phan Triệu Ngọc A (lấy tên Triệu Thị T) đã đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Sổ Bảo hiểm xã hội số 3620352436 đứng tên Triệu Thị T. Trong thời gian chị Phan Triệu Ngọc A làm việc tại Công ty TNHH M thì chị Triệu Thị T cũng đang làm việc tại Trường P, tỉnh Điện Biên và có đóng bảo

hiểm xã hội theo quy định với số sổ Bảo hiểm xã hội số 1120658728 từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Trên hệ thống phần mềm Quản lý Thu của ngành bảo hiểm thể hiện: Chị Triệu Thị T, sinh ngày 09-11-1993, số chứng minh thư nhân dân 163104544, số căn cước công dân 036189009919 có 02 mã số bảo hiểm xã hội là 1120658728, 3620352436. Mã số bảo hiểm xã hội 1120658728 mang tên Triệu Thị T, sinh ngày 09-11-1993, số căn cước công dân số 036189009919 có thời gian tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ tháng 04-2018 đến nay tại trường P bán trú THCS Huổi Lèng tỉnh Đ, địa chỉ: Xã M, tỉnh Điện Biên. Mã số 3620352436 mang tên Triệu Thị T, sinh ngày 09-11-1993, số căn cước công dân 036189009919 có thời gian tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp từ tháng 07-2018 đến tháng 03-2019 tại Công ty TNHH M, địa chỉ: xã L, huyện V, tỉnh Nam Định (nay là phường T tỉnh Ninh Bình).

Việc chị Phan Triệu Ngọc A mượn chứng minh nhân dân của chị Triệu Thị T để làm hồ sơ xin việc vào Công ty TNHH M là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012; vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012. Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBOXH-BHXH ngày 31-5-2022 của Bộ L về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động, điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Triệu Ngọc A: Tuyên bố hợp đồng lao động số DMS000036/2018/HĐLĐ1 ngày 16-6-2018 giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH M; địa chỉ: Lô C, Khu Công nghiệp B, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định với người lao động là Triệu Thị T, sinh ngày 09-11-1993; chứng minh nhân dân số 163104544; địa chỉ thường trú: C, V, Nam Định là vô hiệu.

2.2. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Khi hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu toàn bộ thì quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động được giải quyết theo quy định của pháp luật. Thực tế chị Phan Triệu Ngọc A đã làm việc tại Công ty TNHH M; địa chỉ: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình) và đã thực hiện việc đóng bảo hiểm theo quy định: Mã số 3620352436 mang tên Triệu Thị T, sinh ngày 09-11-1993, số căn cước công dân số 036189009919 có thời gian tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN từ tháng 07 năm 2018 đến tháng 03 năm 2019.

Căn cứ khoản 4 Điều 9, Điều 29 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024; điểm b khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14-12-2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn

thi hành một số điều của Bộ luật Lao động và quan hệ lao động cần giao cho C có thẩm quyền điều chỉnh thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội, mã số 3620352436 từ tên Triệu Thị T, sinh ngày 09-11-1993 (số chứng minh nhân dân số 163104544), số căn cước công dân số 036189009919; địa chỉ: Bản H, xã M, tỉnh Điện Biên thành tên Phan Triệu Ngọc A, sinh ngày 02-9-2001; căn cước công dân số 064301016349; địa chỉ: Thôn B, xã M, tỉnh Ninh Bình.

Chị Phan Triệu Ngọc A và chị Triệu Thị T có quyền liên hệ với C có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật. Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có nghĩa vụ thực hiện việc điều chỉnh thông tin nhân thân của người lao động và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho chị Phan Triệu Ngọc A theo quy định của pháp luật.

[3] Về lệ phí giải quyết việc lao động:

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Phan Triệu Ngọc A phải nộp lệ phí giải quyết việc lao động theo quy định của pháp luật. Số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp được đối trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 361; khoản 2, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372; Điều 401, Điều 402 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; điểm b khoản 1 Điều 50; điểm b khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012:

- Căn cứ khoản 4 Điều 9, Điều 29 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024;

- Căn cứ Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14-12-2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Triệu Ngọc A:

Tuyên bố hợp đồng lao động số DMS000036/2018/HĐLĐ1 ngày 16-6-2018 giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH M; địa chỉ: Lô C, khu Công nghiệp B, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định (nay là Lô C, khu công nghiệp B, phường

T, tỉnh Ninh Bình) với người lao động là Triệu Thị T, sinh ngày 09-11-1993; chứng minh nhân dân số 163104544; địa chỉ thường trú: C, V, Nam Định là vô hiệu.

Giao cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền điều chỉnh thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội, mã số 3620352436 từ tên Triệu Thị T, sinh ngày 09-11-1993 (số chứng minh nhân dân số 163104544), số căn cước công dân số 036193019228; địa chỉ: Bản H, xã M, tỉnh Điện Biên thành tên Phan Triệu Ngọc A, sinh ngày 02-9-2001; căn cước công dân số 064301016349; địa chỉ: Thôn B, xã M, tỉnh Ninh Bình.

2. Chị Phan Triệu Ngọc A và chị Triệu Thị T có quyền liên hệ với C có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền có nghĩa vụ thực hiện việc điều chỉnh thông tin nhân thân của người lao động và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho chị Phan Triệu Ngọc A theo quy định của pháp luật.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động:

Chị Phan Triệu Ngọc A phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Phan Triệu Ngọc A đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000144 ngày 09-7-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình được đối trừ. Chị Phan Triệu Ngọc A đã nộp đủ lệ phí.

4. Chị Phan Triệu Ngọc A, chị Triệu Thị T, Công ty cổ phần M, bảo hiểm xã hội cơ sở Nam Định được quyền làm đơn kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Quyết định theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình có quyền kháng nghị Quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình có quyền kháng nghị Quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

(đã ký)

Phạm Thị Mai Anh